

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt lựa chọn sách giáo khoa lớp 3-4-5, năm học 2021 - 2022**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH TRẦN PHÚ**

*Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường tiểu học được quy định tại Điều 11 - Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;*

*Căn cứ Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ CV số 333/PGD&ĐT ngày 23/3/2021 của Phòng GD&ĐT V/v đảm bảo công khai danh mục SGK được phê duyệt và kịp thời cung ứng SGK cho học sinh các cơ sở giáo dục, năm học 2021-2022;*

*Căn cứ Danh mục sách giáo khoa (bản đặt sách giáo khoa) cấp tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 28/3/2021;*

*Căn cứ Báo cáo kết quả lựa chọn SGK lớp 3-4-5 năm học 2021-2022 của Hội đồng lựa chọn SGK lớp 3-4-5 trường TH Trần Phú;*

*Căn cứ đề nghị của bộ phận chuyên môn,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3-4-5, năm học 2021 - 2022 tại đơn vị (đính kèm phụ lục 1,2,3).

**Điều 2.** Năm học 2021-2022, trường TH Trần Phú lựa chọn sử dụng sách giáo khoa lớp 3-4-5 theo đúng danh mục đã phê duyệt tại điều 1.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông(bà) Phó hiệu trưởng, tổ trưởng phụ trách chuyên môn, học sinh và các ông(bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Trung Dũng**

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố danh mục sách giáo khoa lớp 3-4-5, năm học 2021 - 2022**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH TRẦN PHÚ**

*Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường tiểu học được quy định tại Điều 11 - Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;*

*Căn cứ Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Quyết định số            ngày 05/4/2021 của Hiệu trưởng Trường TH Trần Phú V/v Phê duyệt lựa chọn SGK lớp 3-4-5 năm học 2021 – 2022;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục sách giáo khoa lớp 3-4-5, năm học 2021 - 2022 tại đơn vị (đính kèm phụ lục 1,2,3).

**Điều 2.** Năm học 2021-2022, trường TH Trần Phú lựa chọn sử dụng sách giáo khoa lớp 3-4-5 theo đúng danh mục tại điều 1.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông(bà) Phó hiệu trưởng, tổ trưởng phụ trách chuyên môn, học sinh và các ông(bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu



**Nguyễn Trung Dũng**



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CẤP TIỂU HỌC**  
**NĂM HỌC 2021-2022**  
**LỚP 3**



| STT | DANH MỤC                                           | ĐƠN GIÁ | SL ĐẠT | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------|---------|--------|---------|
|     | <b>SÁCH GIÁO KHOA</b>                              |         |        |         |
| 1   | Tiếng Việt 3/1                                     | 13,000  |        |         |
| 2   | Tiếng Việt 3/2                                     | 13,000  |        |         |
| 3   | Toán 3                                             | 13,000  |        |         |
| 4   | Tự nhiên- Xã hội                                   | 11,000  |        |         |
| 5   | Tập viết 3/1                                       | 4,000   |        |         |
| 6   | Tập viết 3/2                                       | 4,000   |        |         |
| 7   | Vở BT Tiếng Việt 3/1                               | 8,700   |        |         |
| 8   | Vở BT Tiếng Việt 3/2                               | 7,800   |        |         |
| 9   | Vở BT Toán 3/1                                     | 10,500  |        |         |
| 10  | Vở BT Toán 3/2                                     | 10,500  |        |         |
| 11  | Vở Tập vẽ 3                                        | 12,800  |        |         |
| 12  | Vở BT TNXH 3                                       | 9,200   |        |         |
| 13  | Vở TH Đạo đức 3                                    | 5,700   |        |         |
| 14  | Tập bài hát 3                                      | 4,700   |        |         |
| 15  | Thực hành Âm nhạc 3                                | 15,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH TIẾNG ANH</b>                              |         |        |         |
| 1   | Family & Friends VNers - CB Gr.3                   | 95,000  |        |         |
| 2   | Family & Friends VNers - WB Gr.3                   | 55,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH MỞ RỘNG</b>                                |         |        |         |
| 1   | Vở luyện viết chữ 3/1 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
| 2   | Vở luyện viết chữ 3/2 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
| 3   | Thực hành Thủ công 3                               | 16,000  |        |         |
| 4   | Truyện đọc 3                                       | 26,000  |        |         |
| 5   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 3/1                | 20,000  |        |         |
| 6   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 3/2                | 20,000  |        |         |
| 7   | Luyện tập kiểm tra định kì Tiếng Việt 3            | 28,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH DÙNG CHO BUỔI 2</b>                        |         |        |         |
| 1   | Hoạt động trải nghiệm dành cho HS lớp 3            | 25,000  |        |         |
| 2   | Thực hành Kỹ năng sống dành cho HS lớp 3           | 25,000  |        |         |
| 3   | Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống lớp 3 | 19,000  |        |         |
| 4   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 3/1                   | 20,000  |        |         |
| 5   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 3/2                   | 20,000  |        |         |
|     | <b>BỘ ĐỒ DÙNG HỌC SINH</b>                         |         |        |         |
| 1   | Bộ thiết bị thực hành Toán lớp 3 (Có nam châm)     | 95,000  |        |         |

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CẤP TIỂU HỌC**  
**NĂM HỌC 2021-2022**  
**LỚP 4**



| STT | DANH MỤC                                           | ĐƠN GIÁ | SL ĐẶT | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------|---------|--------|---------|
|     | <b>SÁCH GIÁO KHOA</b>                              |         |        |         |
| 1   | Tiếng Việt 4/1                                     | 15,000  |        |         |
| 2   | Tiếng Việt 4/2                                     | 14,000  |        |         |
| 3   | Toán 4                                             | 13,000  |        |         |
| 4   | Khoa học 4                                         | 12,000  |        |         |
| 5   | Lịch sử và Địa lý 4                                | 13,000  |        |         |
| 6   | Âm nhạc 4                                          | 4,000   |        |         |
| 7   | Mĩ thuật 4                                         | 7,000   |        |         |
| 8   | Đạo đức 4                                          | 4,000   |        |         |
| 9   | Kĩ thuật 4                                         | 5,000   |        |         |
| 10  | Vở BT Tiếng Việt 4/1                               | 12,000  |        |         |
| 11  | Vở BT Tiếng Việt 4/2                               | 10,200  |        |         |
| 12  | Vở BT Toán 4/1                                     | 9,900   |        |         |
| 13  | Vở BT Toán 4/2                                     | 11,700  |        |         |
| 14  | Vở BT Khoa học 4                                   | 8,100   |        |         |
| 15  | Vở BT Lịch sử 4                                    | 5,400   |        |         |
| 16  | Vở BT Địa lý 4                                     | 6,600   |        |         |
| 17  | Vở BT Đạo đức 4                                    | 5,400   |        |         |
| 18  | Vở Tập vẽ 4                                        | 13,900  |        |         |
|     | <b>SÁCH TIẾNG ANH</b>                              |         |        |         |
| 1   | Family & Friends VN Vers - CB Gr.4                 | 95,000  |        |         |
| 2   | Family & Friends VN Vers - WB Gr.4                 | 55,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH MỞ RỘNG</b>                                |         |        |         |
| 1   | Vở luyện viết chữ 4/1 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
| 2   | Vở luyện viết chữ 4/2 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
| 3   | Truyện đọc 4                                       | 42,000  |        |         |
| 4   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 4/1                | 21,000  |        |         |
| 5   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 4/2                | 21,000  |        |         |
| 6   | Luyện tập kiểm tra định kì Tiếng Việt 4            | 30,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH DÙNG CHO BUỔI 2</b>                        |         |        |         |
|     | Hoạt động trải nghiệm dành cho HS lớp 4            | 25,000  |        |         |
| 1   | Thực hành Kỹ năng sống dành cho HS lớp 4           | 25,000  |        |         |
| 3   | Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống lớp 4 | 19,000  |        |         |
| 4   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 4/1                   | 20,000  |        |         |
| 5   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 4/2                   | 20,000  |        |         |
|     | <b>BỘ ĐỒ DÙNG HỌC SINH</b>                         |         |        |         |
| 1   | Bộ dụng cụ vật liệu cắt, khâu, thêu 4              | 79,000  |        |         |
| 2   | Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật 4                     | 60,000  |        |         |



**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CẤP TIỂU HỌC**  
**NĂM HỌC 2021-2022**  
**LỚP 5**



| STT | DANH MỤC                                           | ĐƠN GIÁ | SL ĐẶT | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------------------|---------|--------|---------|
|     | <b>SÁCH GIÁO KHOA</b>                              |         |        |         |
| 1   | Tiếng Việt 5/1                                     | 15,000  |        |         |
| 2   | Tiếng Việt 5/2                                     | 14,000  |        |         |
| 3   | Toán 5                                             | 13,000  |        |         |
| 4   | Khoa học 5                                         | 13,000  |        |         |
| 5   | Lịch sử và Địa lý 5                                | 11,000  |        |         |
| 6   | Âm nhạc 5                                          | 5,000   |        |         |
| 7   | Mĩ thuật 5                                         | 9,000   |        |         |
| 8   | Đạo đức 5                                          | 4,000   |        |         |
| 9   | Kĩ thuật 5                                         | 5,000   |        |         |
| 10  | Vở BT Tiếng Việt 5/1                               | 11,700  |        |         |
| 11  | Vở BT Tiếng Việt 5/2                               | 9,600   |        |         |
| 12  | Vở BT Toán 5/1                                     | 11,100  |        |         |
| 13  | Vở BT Toán 5/2                                     | 13,200  |        |         |
| 14  | Vở BT Khoa học 5                                   | 10,800  |        |         |
| 15  | Vở BT Lịch sử 5                                    | 6,300   |        |         |
| 16  | Vở BT Địa lý 5                                     | 6,000   |        |         |
| 17  | Vở BT Đạo đức 5                                    | 4,800   |        |         |
| 18  | Vở Tập vẽ 5                                        | 13,900  |        |         |
|     | <b>SÁCH TIẾNG ANH</b>                              |         |        |         |
| 1   | Family & Friends VNers - CB Gr.5                   | 95,000  |        |         |
| 2   | Family & Friends VNers - WB Gr.5                   | 55,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH MỞ RỘNG</b>                                |         |        |         |
|     | Vở luyện viết chữ 5/1 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
|     | Vở luyện viết chữ 5/2 (Vĩnh HL)                    | 11,000  |        |         |
| 1   | Truyện đọc 5                                       | 34,000  |        |         |
| 2   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 5/1                | 21,000  |        |         |
| 3   | Luyện tập kiểm tra định kì Toán 5/2                | 21,000  |        |         |
| 4   | Luyện tập kiểm tra định kì Tiếng Việt 5            | 30,000  |        |         |
|     | <b>SÁCH DÙNG CHO BUỔI 2</b>                        |         |        |         |
|     | Hoạt động trải nghiệm dành cho HS lớp 5            | 25,000  |        |         |
| 1   | Thực hành Kỹ năng sống dành cho HS lớp 5           | 25,000  |        |         |
| 3   | Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống lớp 5 | 19,000  |        |         |
| 4   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 5/1                   | 20,000  |        |         |
| 5   | Thực hành Tiếng Việt và Toán 5/2                   | 20,000  |        |         |
|     | <b>BỘ ĐỒ DÙNG HỌC SINH</b>                         |         |        |         |
| 1   | Bộ dụng cụ vật liệu cắt, khâu, thêu 5              | 74,000  |        |         |
| 1   | Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật 5                     | 62,000  |        |         |